TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**46/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2019
V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Lê Kim Đó***

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà ***Huỳnh Thị Châu***

2. *Ông* ***Trần Đại Nghĩa***

- Thư ký phiên tòa*: Bà *Quách Thị Khuyến *- Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa *bà* ***Lê Thị Hằng,*** *kiểm sát viên.*

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/ 2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:45b/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Lan C**; sinh năm 1990.

Đại chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh V**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 7, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Chị C có mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Lan C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân Chị C chung sống với anh Nguyễn Thanh V vào năm 2008, được tự nguyện và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 11/01/2008 thì được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của chị C.

Sau khi cưới đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là anh V nghiện chơi game, chị C khuyên nhũ nhưng anh không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng gây gỗ. Mặt khác anh V sống không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác, vì vậy vợ chồng mâu

thuẩn gây gỗ anh V nhiều lần đánh đập chị, làm cho đời sống chung không hạnh phúc.

Năm 2010 chị C về nhà mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh B, đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến ngày hôm nay, không bàn bạc đoàn tụ.

Trước Tòa án, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh ngày 03/4/2019. Khi ly hôn chị C đồng ý giao cháu C cho anh V nuôi dưỡng, tạm thời chị C không cấp dưỡng nuôi con.

Anh V không cho chị C tới thăm con nên chị C không thể đưa cháu C đến Tòa án lấy lời khai.

Về tai sản chung, nợ chung: Không có, chị Ckhông tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị C không trình bày gì thêm.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh V được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tống tụng nhưng anh V không chấp hành pháp luật không tham gia phiên tòa hội đồng xét xử áp dụng khoản1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C; về con chung tạm giao cho anh V nuôi dưỡng, Tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung chị C không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Chị C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Lan C khởi kiện tranh chấp ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Thanh V có nơi cư trú tại địa ch Tổ 7, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh V đã được Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án số 161/TB-TLVA vào ngày 22/4/2019, tại nhà anh V, tại Ủy ban nhân dân xã B, tại Tòa án nhân dân huyện T; ngày 10/6/2019, Tòa án niêm yết giấy triệu tập số 08/GTT, tại nhà anh V, tại Ủy ban nhân dân xã B, tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, triệu tập anh V có mặt tại Tòa án nhân dân huyện

T vào lúc 08 giờ ngày 28/6/2019 để làm việc nhưng anh Việt vắng mặt không có lý do;

Ngày 28/6/2019; Tòa án tiến hành niêm yết thông báo giao nộp chứng cứ số 65/TB-TA, tại nhà anh V, tại Ủy ban nhân dân xã B, tại Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 25/7/2019, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 69/TB-TA, tại nhà anh V, tại Ủy ban nhân dân xã B, tại Tòa án nhân dân huyện T, thông báo cho anh V có mặt tại Tòa án vào lúc 08 giờ ngày 13/8/2019 để tham gia phiên họp, nhưng anh V vắng mặt không có lý do.

Ngày 16/8/2019, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về kết quả phiên họp và thông báo hòa giải số 70TB-TA, tại nhà anh V, tại Ủy ban nhân dân xã B, tại Tòa án nhân dân huyện T, thông báo cho anh V biết anh phải có mặt vào lúc 08 giờ ngày 05/9/2019 để tham gia phiên hòa giải với nguyên đơn chị Lê Thị Lan C về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do.

Ngày 26/9/2019, Tòa án tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45b tại nhà anh V, tại Ủy ban nhân dân xã B, tại Tòa án nhân dân huyện T, thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vào lúc 08 giờ ngày 15/10/2019, nhưng anh V vắng mặt không có lý do, hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 15/10/2019, Tòa án niêm yết quyết định hoãn phiên tòa số 58/QĐST-HNGĐ, ngày 15/101/2019, tại nhà anh V, thông báo thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 ngày 31/10/2019, anh V tiếp tục vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung xử vắng mặt anh V

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh V, xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C và anh V sống ly thân từ năm 2010 đến nay không bàn bạc đoàn tụ.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Thanh V không chấp hành pháp luật, không tham tham gia phiên tòa.

Trên cơ sở lời khai của chị C hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/01/2008, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị C và anh V được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn chị C khởi kiện xin ly hôn anh V. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn của chị C và anh V cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8 của luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về tài sản chung, con chung chị C không có tranh chấp nên Tòa án áp dụng luật hôn nhân năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa chị C khai anh V nghiện chơi game và sống không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác, chị C nhiều lần khuyên nhũ nhưng anh V không sửa đổi dẫn đến vợ chồng gây gỗ và đánh đập, đời sống chung không hạnh phúc. Năm 2010 chị C và anh V sống ly thân cho đến nay không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ.

Theo biên bản xác minh ngày 28/6/2019 địa phương cung cấp, vợ chồng chị C và anh V chung sống thường xảy ra mâu thuẩn, nhưng địa phương không nắm rõ là do nguyên nhân gì. Hiện nay chị C không còn sinh sống tại địa phương, con chung của chị C, anh V là cháu Nguyễn Quốc C đang sống cùng với anh Vvà ông bà nội được chăm sóc tốt.

Trên cơ sở lời khai của chị Chi thì từ 2010 chị C và anh V đã sống ly thân chị C đã về sống tại nhà mẹ ruột địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh V không hợp tác điều đó cho thấy anh V không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ cùng với chị C. Trên cơ sở đó cho thấy thấy hôn nhân giữa chị C và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C cho chị được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại điều 56 luật hôn nhân năm 2014.

[3] Xét về nuôi con chung: Chị C khai anh chị chung sống với nhau có 01 con chung cháu Nguyễn Quốc C; sinh ngày 03/4/2009, khi ly hôn chị Chi đồng ý giao cháu C cho anh V nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn....; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con; Hiện nay anh V là người trực tiếp trông nom nuôi dưỡng cháu C nhưng anh V và gia đình không hợp tác cung cấp lời khai của cháu C và cũng không tạo điều kiện cho Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu C để xem xét nguyện vọng của cháu muốn sống cùng với cha (anh V) hay sống cùng với mẹ (chị C). Từ năm 2010 khi chị C về sinh sống tại nhà mẹ ruột cháu C vẫn sống cùng với anh V và ông bà nội. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm lý cho cháu C hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cgiao cháu C cho anh V tiếp tục trông nom nuôi dưỡng, giao dục. Tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét về chia tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Lan C không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Lan C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Lê Thị L Chi và anh Nguyễn Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc C; sinh ngày 03/4/2009 cho anh Nguyễn Thanh V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản; nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Lan C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 001813 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Chi đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND thị trấn D, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Kim Đó